

TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG VỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG TÁC PHẨM *ĐẠO ĐỨC KINH* CỦA LÃO TỬ và những ý nghĩa của nó

TS PHẠM THỊ HOA

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

1. Đặt vấn đề

Lão Tử là một triết gia lớn mà ảnh hưởng của ông tới Đông Nam Á sánh ngang với Khổng Tử và thời nào cũng được người dân Trung Quốc tôn trọng. Dù đến nay, xung quanh Lão Tử còn nhiều điều bí ẩn, những thông tin thực sự chính xác về Lão Tử và *Đạo đức kinh* còn chưa thống nhất, nhưng không thể phủ nhận giá trị của những tư tưởng biện chứng mà Lão Tử thể hiện trong tác phẩm đề đời của mình. Đánh giá tác phẩm *Đạo đức kinh*, Renebertrand, một học giả phương Tây đã nhận định: “Ông chỉ viết có một quyển rất vắn tắt vài dòng chữ hợp thành quyển sách ấy chứa đựng tất cả sự khôn ngoan trên trái đất này”¹. Một học giả khác là E.V. Zenker thì cho rằng: “Lão Tử đâu chỉ sống cho nước Trung Hoa và thời buổi của ông mà thôi, ông là một trong những bậc thầy thuần túy nhất và sâu sắc nhất của nhân loại”².

Người sáng lập phái Đạo gia cũng được coi là nhà tư tưởng “nửa huyền thoại” của thế giới, nhà biện chứng số một của toàn bộ nền triết học phương Đông. Tư tưởng của ông được thể hiện chỉ trong khoảng 5.000 từ của *Đạo đức kinh*, nhưng đã gây biết bao ấn tượng sâu sắc cho nhiều thế hệ. Cho đến nay, *Đạo đức kinh* của Lão Tử với những tư tưởng biện chứng sâu sắc của nó vẫn còn là nguồn cảm hứng vô tận trong nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn. Bài viết này chỉ tập trung là rõ những tư tưởng biện

chứng về chính trị - xã hội của Lão Tử trong *Đạo đức kinh* và những ý nghĩa rút ra từ đó.

2. Tư tưởng biện chứng về chính trị - xã hội trong tác phẩm *Đạo đức kinh* của Lão Tử

2.1. Tư tưởng dút thánh, bỏ trí

Trong tác phẩm của mình, Lão Tử viết: “Dứt thánh, bỏ trí dân lợi gấp trăm”³. “Dứt thánh” nghĩa là không trọng “thánh hiền”. Đương thời, trong quan niệm của Khổng Tử, Mặc Tử..., vua Nghiêu, vua Thuấn được coi là thánh nhân nên không chính trị gia nào thời Chiến quốc không đề cao huyền thoại Nghiêu Thuấn. Duy có Lão Tử tuyệt nhiên không nói đến, ông chủ trương: không trọng người hiền thì dân không tranh. Khi đề cao danh thì con người há danh sẽ tranh nhau. Các phái khác đề cao vua Nghiêu vua Thuấn, Lão Tử lại xem không có họ thì “dân lợi gấp trăm lần”. “Bỏ trí”: Khổng Tử cho trí là một trong năm đức “thường”. Không có trí (hiểu biết) thì không thể thực hiện được nhân, nghĩa, lễ... Muốn có trí phải học, và phải làm sao “Học mà không chán, dạy người mà không mỏi”.

Tuy nhiên, Lão Tử lại yêu cầu “bỏ trí” vì trí kích thích lòng dục vọng, kích thích ham muốn. Ngay ở chương 15, Lão Tử viết “Dân trí nan trị, dĩ kỳ trí đa”⁴, nghĩa là “Dân càng có trí thức thì càng khó trị”, bởi theo ông, khi đã có trí, tức là có hiểu biết thì con người sẽ phân biệt được đẹp xấu, thiện ác, hay dở, chính lúc đó mới phát sinh nhiều vấn đề như tranh

luận với nhà nước, lòng tham muốn chiếm đoạt của cải của người khác, kẻ cả của quốc gia. Ở chương 18, ông nhấn mạnh “Huệ trí xuất, hữu đại nguy”⁵, nghĩa là “trí tuệ sinh ra, sau mới có dối trá”. Lão Tử quan niệm, càng biết nhiều thì càng muốn nhiều, từ đó trí xảo xuất hiện rồi nảy sinh trá nguy. Vì thế, ông cho rằng “Người khéo dùng đạo trị nước thì không làm cho dân khôn lanh, có xảo mà làm cho dân đôn hậu, chất phác. Dân sơ dĩ khó trị là vì nhiều trí mưu”⁶. Có nhiều ý kiến cho rằng, quan niệm này là cơ sở cho chính sách ngu dân của thế lực phong kiến. Tuy nhiên, cũng có ý kiến giải thích quan niệm của Lão Tử theo hướng khác, cho rằng không nên hiểu chữ “ngu” của Lão Tử là ngu dốt, mà phải hiểu là ngây thơ, chất phác, trong sáng, mộc mạc.

Ông chủ trương “dứt học” (Tuyệt học) và chỉ có một cách học là “Học bất học”⁷, học người không học. Ông muốn quay lại thời sơ khai, mộc mạc, chất phác.

Có thể nói, “dứt thánh bỏ trí” là một điểm đặc biệt trong quan niệm của Lão Tử cũng như *Đạo đức kinh*. Cần chú ý, tri thức mà Lão Tử bài xích là những tri thức suy luận của lý trí chứ không phải mọi tri thức. Lão Tử vẫn thừa nhận cần và phải có tri thức tự nhiên, do trực giác mà ra. Lão Tử nói “Thánh nhân không ra khỏi ngõ cũng biết được thiên hạ, không ngó qua cửa sổ cũng biết được thiên đạo... không đi xa mà biết, không thấy mà hay”. Có được như vậy là vì giữ được tâm trí bình tĩnh, nguyên vẹn, gần gũi với thiên nhiên.

2.2. Tư tưởng biện chứng về chính trị, quân sự

Có lẽ vì chứng kiến tình trạng hỗn loạn, chiến tranh thê thảm thời Xuân Thu, Chiến Quốc mà Lão Tử, cũng như Không Tử, Mặc Tử cùng các Pháp gia đương thời đều nỗ lực tìm kiếm các giải pháp an bang tế thế. Lão Tử chủ trương trị nước bằng ba chữ: an, lạc, lợi. Ông nói “Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa; dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi; dân chi khinh tử, dĩ kỳ cầu sinh chi hậu”⁸, nghĩa là, “Dân mà đói, là vì trên bắt thuế nhiều, dân mà khó trị, là vì trên dùng đạo hữu vi, dân mà coi thường cái chết, là vì quá trọng cầu cái sống”. Bởi vậy, dù có đem cái chết mà dọa dân chúng, cũng không ích gì cả, trong khi dồn họ vào nơi tuyệt vọng “dân chi úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi”⁹, nghĩa là “Dân không sợ chết, làm sao lấy chết dọa được”.

Có thể nói rằng, *Đạo đức kinh* được Lão Tử viết ra để cho những nhà trị nước hay những người sắp cầm quyền trị nước. Tác phẩm hàm chứa những tư tưởng chính trị có tính biện chứng.

2.3. Phê phán chế độ đẳng cấp trên dưới và chủ trương tự do cho dân

Đạo “vô vi” của Lão Tử phản đối những hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội do sự áp bức bóc lột của giới quý tộc cũng như sự phát triển kinh tế hàng hóa gây nên, mơ ước đời sống chất phác của thời đại công xã nguyên thủy. Ông cho bọn người “mặc quần áo gấm vóc, đeo gương sắc, ăn của ngon vật lạ, tích lũy nhiều tiền của... đó là bọn trộm cướp”¹⁰. Lão Tử cũng như Không Tử, Mặc Tử, thực tâm đều thương dân, và mỗi người đều đưa ra giải pháp cứu dân, giữ yên thiên hạ cho dân khỏi khổ vì nạn binh đao. Không Tử chủ trương “chính danh”, Mặc Tử đề xuất phải “kiêm ái”, còn Lão Tử cho rằng phải theo “đạo”. Vì theo ông, sơ dĩ xã hội loạn, dân khổ vì không sống theo “đạo”, không thuần phác, quá dục, do đó mà sinh ra tham lam. Vậy, bậc thánh nhân (vua chúa biết giữ đạo) phải làm cho dân “phản phác” (cũng theo đạo).

Lão Tử vẫn chủ trương giữ chính phủ để ngăn ngừa lòng dục của dân. Lão Tử cho rằng “càng ban nhiều lệnh cấm thì nước càng nghèo”¹¹. Ông chủ trương giảm thuế “Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng, thực thuế chi đa. Dân chi nan trị. Dĩ kỳ thượng chi hữu vi”¹², nghĩa là dân mà đói là vì trên bắt thuế nhiều. Dân khó trị là vì trên dùng đạo hữu vi. Lão Tử cho rằng, dân đói là vì nhà cầm quyền thu thuế quá nặng để sống xa hoa. Ông ưa chính trị khoan hồng, giản dị, không ưa chính trị nghiêm khắc, phiền phức.

Từ chủ trương tự do cho dân, Lão Tử cũng đặt ra những yêu cầu cho bậc làm vua. Ông vua lý tưởng của Đạo gia phải có được đức với những yêu cầu:

Một là, phải phục vụ dân, hi sinh cho dân “Người nào coi trọng sự hy sinh mình cho thiên hạ thì có thể giao thiên hạ cho người đó được”¹³.

Hai là, phải biết theo đạo mà trị dân như thánh, không sống cho riêng mình, nên “Thánh nhân đặt thân mình ở sau mà thân lại được ở trước, đưa thân ra ngoài nên thân được còn. Phải chăng vì không riêng tây mà thánh nhân làm được điều riêng tây?”¹⁴. Trong chương 22, ông lại nhắc “Không tự phô nên được thấy, không tự thị nên được biết,

không tự giành nên được công, không tự khoe nên được lâu. Thánh nhân không tranh cho nên thiên hạ không ai cùng tranh”¹⁵.

Ba là, không tự tư, không thành kiến, coi ai cũng như ai “Thánh nhân tốt với người tốt, tốt với cả người không tốt...”¹⁶.

Bốn là, dùng được mọi loại người: thiện và không thiện (chương 27). “Dụng nhân như dụng mộc”

Năm là, phải có đức khiêm hạ (khiêm tốn khiêm nhường) “Làm không cậy khéo, việc thành mà không quan tâm”. “Vua khiêm hạ đến mức dân không biết mình là vua”. “Bậc trị dân giỏi nhất là dân không biết có vua”¹⁷ - đó mới là tuyệt đích, là vô vi.

2.4. Chủ trương trị nước bằng “vô vi”

Cũng như các học thuyết khác, “trị” nước, làm an dân là mối quan tâm gần như hàng đầu trong thời buổi xã hội loạn lạc. Lão Tử cho rằng, chủ trương “lễ trị, đức trị” của Nho gia và chủ trương “pháp trị” của Pháp gia đều không được, biện pháp thông trị tốt nhất là “vô vi nhi trị”.

Như đã phân tích, “vô vi” là một trong những cái đặc sắc của triết học Lão Tử, “vô vi” quán xuyên trong mọi phương diện mà ông đề cập đến, từ cách hiểu về giới tự nhiên (bản thân thế giới do “Đạo”, “quân bình”, “phản phục” nên tự nó hài hòa, hợp lý, như vậy phải giữ gìn sự hợp lý đó); về nhân sinh (sống theo “Đạo”, thuận phác, mềm dẻo, không tranh giành ...). Ngay đến trị nước, một vấn đề lớn, lẽ ra cần những biện pháp mạnh, quyết liệt, thậm chí cần đến cưỡng chế, bạo lực, Lão Tử vẫn kiên định cái logic của ông: trị nước bằng đạo vô vi. Chính điều này cho thấy sự nhất quán trong quan niệm của Lão Tử, về hình thức của *Đạo đức kinh*, có những sự mâu thuẫn nhất định, nhưng xét về bản chất, quan niệm về thế giới, về chính trị, xã hội quy định, bổ sung lẫn nhau.

Chữ “vô” của Lão Tử không có nghĩa tuyệt đối là không có gì nên chữ “vô vi” cũng vậy. Điều ông gọi là “vô vi”, cũng có nghĩa là “vô bất vi” (chương 17, 18) (không gì không làm). “Vô vi” không có ý nghĩa là không làm, không hành động mà vẫn hành động, hành động hợp với tự nhiên, theo lẽ của tự nhiên. “Vô vi” là không làm, nhưng không gì là không làm cả. Thực chất của “vô vi” là làm nhưng làm theo mệnh trời, cứ để mọi vật phát triển theo quy luật của chúng, con người không can thiệp mà đầu vẫn vào đó.

Trị nước không thể bằng “hữu vi” (có làm) vì trị nước giống như nấu nướng cá nhỏ, muốn nó không bị nát thì không được động nhiều tới nó. Suy ra, can thiệp vào việc dân quá nhiều dân sẽ trá ngụy, chống đối, đó là hậu quả của chính sách “hữu vi”. “Vô vi” nghĩa là ít can thiệp vào việc của dân, để cho dân thuận tự nhiên mà sống thì dân sẽ vui vẻ, yên ổn phát triển.

Chính trị của thánh nhân là làm cho dân lòng thì hữu tính, bụng thì no, tâm trí thì yên (không ham muốn, không tranh giành), xương cốt thì mạnh... theo chính sách vô vi thì mọi việc đều trị. Như vậy, ông vua giỏi trị nước là luôn giữ cho dân bình yên.

Theo Lão Tử, “Thánh nhân xử sự theo thái độ vô vi, dùng thuật không nói mà dạy dỗ” (“Hành bất ngôn chi giáo”)¹⁸. Phạt giảng đạo mà 49 năm không nói một lời. Kẻ nào mà làm bậy thì đạo trời không tha “lưới trời lồng lộng thưa mà không lọt” (Thiên võng khô khô, sơ nhi bất thất”)¹⁹.

Trong chương 66, Lão Tử viết “Dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi, dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi. Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại. Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm. Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dĩ chi tranh”²⁰, hiểu là: Muốn ngồi trên dân, nên lấy lời nhỏ nhẹ mà hạ mình; muốn đứng trước dân, nên lấy mình để ra sau. Vậy nên thánh nhân ở trên mà dân không hay nặng, ở trước mà dân không thấy bị khuất, và nhờ thế mà thiên hạ không chán. Bậc thánh nhân trị nước, ngồi trên đầu dân mà dân không hay có mình ngồi trên đầu, dẫn đạo dân mà dân không cảm thấy bàn tay của mình dẫn dắt. Bởi đó không tranh, nên thiên hạ không cùng tranh với đó được.

Thuật “vô vi” cũng là cơ sở để Lão Tử đề xuất một mô hình xã hội lý tưởng theo mong ước của ông, và có lẽ của không ít người, đặc biệt những người dân lao động trong xã hội đương thời.

2.5. Tư tưởng về quốc gia lý tưởng

Lão Tử luôn mơ ước về một mô hình quốc gia “nước nhỏ, dân ít”, nhân dân sống trong cảnh yên bình, mỗi dân tộc giữ gìn bản sắc của chính mình. Ở chương 80, ông viết: “Tiểu quốc, quả dân, sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng... Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, án kỳ cư, lạc kỳ tục... Lân quốc tương vọng, kê khuyến chi thính tương văn, dân chi lão tử

bất tương vãng lai”²¹, hiểu là: “nước nhỏ, dân ít, dù có mười hoặc trăm thứ binh khí cũng không dùng đến... Dân ăn món ngon, mặc đồ đẹp của nước mình, yên nơi mình ở, vui với phong tục nước mình, các nước láng giềng cùng nghe tiếng gà gáy, chó sủa nhưng suốt đời không qua lại thăm nhau”.

Trong quốc gia lý tưởng ấy, mọi người sống theo luật của tự nhiên, nhân dân không có lòng tham của quý vật lạ, không có óc đua chen, không thích sự khôn khéo vì nó chứa đựng sự trí xảo, trá ngụy, chỉ làm để sống và ai cũng thừa thãi. Dù có khí cụ (máy móc) gấp trăm, gấp chục sức người cũng không dùng. Qua quan niệm của ông, có thể thấy, một mặt, Lão Tử yêu hòa bình, thích thú với một trạng thái xã hội đơn sơ, bình lặng, nhưng mặt khác, ông không thấy được sự phát triển tất yếu của xã hội, phủ nhận sự phát triển đó, ông coi đó là trái tự nhiên mà không thấy được chính sự phát triển cũng là tự nhiên. Điều này làm cho quan niệm về nhà nước lý tưởng của ông đi ngược lại lịch sử.

Lão Tử không có tư tưởng đại đồng thế giới. Thế giới lý tưởng của Lão Tử là có vô số quốc gia nhỏ, nước nào yên phận nước ấy. Quốc gia lý tưởng đó tưởng như dã man nhưng thực ra lại cực văn minh, vì đã biết những cái hại của văn minh mà tự mình từ bỏ. Có thuyền, xe không ngồi, có binh khí không dùng, cũng như những nhà giàu có lại rất ghét sống xa xỉ, chỉ muốn sống giản dị, đạm bạc. Áp dụng đúng thuyết phản phác, vô vi, trở về với tự nhiên vốn có. Nhiều ý kiến phê phán quan niệm của ông là chủ quan, ảo tưởng, điều đó không phải không có lý, nhưng cần đặt tư tưởng của Lão Tử trong bối cảnh trăm họ trăm luân lúc bấy giờ, sẽ thấy rằng, quan niệm của ông phản ánh nguyện vọng của xã hội, của quần chúng, nhất là những người dân lao động vốn đang oằn mình chịu gánh nặng binh đao.

3. Ý nghĩa của tư tưởng biện chứng về chính trị - xã hội trong Đạo đức kinh của Lão Tử

Tư tưởng biện chứng về chính trị - xã hội của Lão Tử, cũng như những tư tưởng biện chứng khác của các triết gia cổ đại, còn ở trình độ ngây thơ, chất phác, mang tính trực quan cảm tính, song đã chứa nhiều tư tưởng hết sức cô đọng, sâu sắc về vận động, về quy luật, về mâu thuẫn. Với trình độ tư duy lý luận cao, những quan điểm, tư tưởng của Lão Tử

trong Đạo đức kinh đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển tư tưởng triết học phương Đông. Trong cái lơ mờ, hỗn độn và gợi mở, Lão Tử đã làm người đời sau kinh ngạc, thán phục trước sức mạnh của tư duy trừu tượng của ông. Những tư tưởng biện chứng về chính trị - xã hội trong Đạo đức kinh của Lão Tử có ý nghĩa sâu sắc cả trong hoạt động nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn.

Trước hết, trong hoạt động nhận thức, tư tưởng biện chứng của Lão Tử giúp nhìn nhận thế giới trong sự chuyển hóa, dung hòa của hai mặt đối lập. Biện chứng của Lão Tử đồng thời giúp con người hướng thiện, hướng đến tự nhiên, dung hòa với tự nhiên, tĩnh tâm và tự tại, tránh được những ham muốn đua chen của dục vọng, biết bằng lòng với cái hiện có. Nghiên cứu Lão Tử cũng giúp con người có một thái độ tích cực với thân phận của chính mình, giữ gìn bản tính tự nhiên của mình, không ham hố, hành động thái quá dễ phá vỡ bản tính tự nhiên đó. Đồng thời, thông qua luật quân binh và luận phản phục, Đạo gia đã cung cấp nhân sinh quan và nghệ thuật sống mang tính nhân văn sâu sắc có tác dụng an ủi con người hải lòng và hạnh phúc với những gì mình có trong cuộc sống, không nên ham muốn, mơ tưởng hảo huyền. Tuy không phải là phần chủ yếu trong học thuyết Lão Tử nhưng tư tưởng bình đẳng, tự do, trọng người thấp hèn, yêu người dân độn, ít can thiệp vào đời sống của dân chúng, trọng hòa bình, không gây hấn với nhau mà nhường nhịn, khoan dung, sống tự nhiên, giản dị, tri túc, thanh tịnh... đó là những giá trị nhân bản rất cao mà các triết gia thường hướng tới. Sức hấp dẫn của học thuyết chính trị của Lão Tử là ở đó. Chính vì vậy mà ở Trung Quốc, dù có thực hiện được hay không nhưng trong thực tế, mấy nghìn năm nay không có một ai phê phán, phủ nhận học thuyết của Lão Tử.

Ngoài ra, Lão Tử còn dạy con người phải biết sống khiêm tốn, giản dị mà vẫn ung dung tự tại không lo sợ, không đau buồn trước mọi biến động xảy ra trong đời, không tham lam vụ lợi, già dối, không tranh đua, giành giật, không đua đòi bon chen, đổ ky, mà cần phải sống hòa nhã, trung dung, ngay thẳng, tự nhiên thuần phác. Điều này thực sự cần thiết, là một lối sống đẹp trong xã hội hiện đại.

Thứ hai, trong hoạt động thực tiễn, Lão Tử hướng con người về với tự nhiên, giúp con người điều chỉnh

hành vi của mình cho phù hợp với tự nhiên và cuộc sống, tôn trọng các quy luật, tránh lối hành xử lỗ mãng, bất chấp. Những quan điểm triết học cơ bản của Lão Tử đã góp phần chỉ ra trong hoạt động thực tiễn con cần phải tôn trọng quy luật khách quan, nắm vững và vận dụng phù hợp các qui luật tự nhiên vào cuộc sống, nếu không sẽ phải trả giá và chuốc lấy hậu quả khôn lường. Đặc biệt Lão Tử yêu cầu con người phải thuận theo tự nhiên, không được làm trái qui luật tự nhiên, không được cải tạo tự nhiên theo những toan tính lợi ích tầm thường của mình. Điều này có tính thời sự đặc biệt và sâu sắc trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay với những thiên tai dịch bệnh đe dọa nghiêm trọng, hệ lụy trực tiếp từ quá trình con người nhân tạo hóa thiên nhiên, tạo dựng một nền văn minh không tương thích với bản tính tự nhiên của vũ trụ vạn vật. Đồng thời con người cũng phải biết quý trọng mọi sự sống nói chung gắn với quý trọng môi trường tự nhiên, không được tàn sát sinh vật và hủy hoại môi trường một cách tùy tiện. Bên cạnh đó, với việc chỉ ra qui luật quân bình và phản phục, Lão Tử đòi hỏi con người cần tránh mọi cực đoan, thái quá, nóng vội, chủ quan duy ý chí, phải luôn tạo dựng sự cân bằng hợp lý, tự nhiên, khách quan nhưng không ỷ lại, thụ động trước các điều kiện khách quan.

Trong *Đạo đức kinh*, ý niệm về nguồn gốc thần thánh của quyền lực nhà vua, nguồn gốc sự bóc lột... đã bị vạch trần. Mọi điều ác trong xã hội đều do “đạo nhân” sinh ra, tức các đạo luật do vua chúa quy định trái với quy luật tự nhiên là mọi người đều được bình đẳng. Những tư tưởng của Lão Tử phản ánh quyền lợi của nông dân phá sản, thấm đượm tình thương dân chúng, và Lão Tử coi việc phục vụ họ là việc cao thượng nhất của nhà hiền triết. “Nhà hiền triết không có trái tim riêng. Trái tim ông ta bao gồm từ những trái tim dân chúng”. Lão Tử phê phán sự áp bức và thuế má nặng nề của kẻ bóc lột, lên án sự lộng hành và bạo tàn của vua chúa. “Nhân dân bị đói khổ là vì sưu cao thuế nặng”. Ông lên án những đạo luật nhằm mục đích cướp bóc của người lao động. Ông so sánh giữa sự đói nghèo của người lao động với sự xa hoa của bọn giàu có và gọi sự xa hoa này là kết quả của việc cướp bóc. Đây là những phân tích đúng đắn đối với thực tại.

Tóm lại, tư tưởng của Lão Tử dường như không có những lập luận logic, mà thường mang tính trực

quan kinh nghiệm rõ rệt, song không phải vì thế mà nó không có giá trị khoa học. Trái lại, tuy còn sơ khai nhưng tư tưởng của ông đã phản ánh đúng bản chất của thế giới khách quan. Ông luôn nhìn thế giới ở cả hai mặt chứ không phiến diện, cứng nhắc. Đó thực sự là nền tảng khoa học cho những phương pháp hành động cũng rất hợp lý của con người trong mọi quan hệ xã hội mà ông đã chỉ ra trong những chủ trương chính trị - xã hội mang tính thân vô vi của mình.

Triết lý nhân sinh có tính biện chứng của Lão Tử đã có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội Á Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng. Trong xã hội phong kiến, nhân dân lao động luôn phải gánh chịu cảnh áp bức, bất công, nghèo đói và đau khổ. Trong hoàn cảnh như thế, họ thường tìm đến phương thuốc tinh thần của Đạo gia để xoa dịu nỗi đau và sự buồn khổ. Ngày nay, khi con người đang gánh chịu hậu quả nặng nề từ sự tàn phá thiên nhiên của chính mình thì ngay từ thời cổ đại, Lão Tử đã cảnh báo nhân loại bằng triết lý vô vi, thuận thiên. Quan điểm đó cho rằng con người cũng chỉ là một phần của vũ trụ, có giá trị ngang mọi phần tử khác. Bởi vậy, con người phải thuận theo tự nhiên, an phận chứ đừng ôm mộng làm chúa tể tự nhiên để áp bức, bóc lột, khai thác nó một cách vô độ. Đó là quan niệm sinh thái đầy tính nhân bản và luôn có tính thời sự.

Quan điểm tri túc của Đạo gia và Lão Tử nói riêng cũng nhắc nhở chúng ta phải nhận thức nhân tình thế thái một cách đúng đắn, biết dừng lại đúng lúc, đúng chỗ, không tranh công, tham quyền cố vị. Nó đã góp phần chống chủ nghĩa công thần và chủ nghĩa bảo thủ. Soi vào thực tiễn đời sống chính trị - xã hội hiện nay, chúng ta thấy quan điểm này của Lão Tử thực sự có giá trị.

Triết lý nhân sinh của Lão Tử còn khuyên con người nên xa rời lối sống cá nhân, vị kỷ, chạy theo danh vọng tầm thường bởi chính những danh vọng đó làm cho con người trở thành nô lệ của ngoại vật và nô lệ của chính mình. Điều này rõ ràng là giá trị cần giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.

Những tư tưởng biện chứng về chính trị - xã hội của Lão Tử trong *Đạo đức kinh* thực sự đạt đến độ tinh tế, sâu sắc và độc đáo. Ông đã dùng siêu ngôn ngữ để diễn đạt siêu tư tưởng, nhiều người bình thường không hiểu được, còn người ham học, ham

tìm hiểu, người có trình độ, có tri thức thời nay và ẩn sĩ thời xưa nếu đọc và tĩnh tâm suy ngẫm, hiểu được sẽ cảm thấy tự hào, sung sướng. Chính vì thế mà ngay lời mở đầu giới thiệu *Đạo đức kinh*, Lão Tử viết “Kẻ hạ sĩ đọc *Đạo đức kinh* cười rộ lên, không cười rộ lên đâu còn là *Đạo đức kinh*”.

4. Kết luận

Đạo đức kinh là một trong những cuốn chuyên luận đáng chú ý nhất trong lịch sử triết học Trung Quốc. Nó là kiệt tác của Lão Tử, đề cập tới nhiều vấn đề của triết học từ triết học tự nhiên đến triết học chính trị - xã hội, thể hiện những tư tưởng biện chứng thật đặc sắc trong đó có tư tưởng biện chứng về chính trị - xã hội. Quan niệm biện chứng về chính trị - xã hội trong học thuyết Lão Tử được xem là rất độc đáo. Những tư tưởng bình đẳng, tự do, ít can thiệp vào đời sống dân chúng, trọng hòa bình, không tranh giành, gây hấn với nhau mà nhường nhịn nhau với tấm lòng khoan dung (đĩ đức báo oán), thương kẻ nghèo và nếp sống tự nhiên giản dị, tri túc, thanh tịnh, đó là những giá trị nhân bản mà không một triết gia chân chính nào không muốn hướng tới. Chúng có sức mạnh thu hút, khiến con người hướng thượng, cao cả hơn, trong sạch hơn, vừa lãng mạn, vừa nên thơ. Sức hấp dẫn của học thuyết Lão Tử chính là ở đó. Cốt lõi của học thuyết của Lão Tử chính là như vậy. Điều đó cho thấy sức sống,

sự trường tồn và giá trị vĩnh cửu của những triết lý chính trị - xã hội trong học thuyết Lão Tử, của *Đạo đức kinh*.

- 1, 2. Nguyễn Duy Cần: *Lão Tử tinh hoa*, Nxb Trẻ, 1963, Phần giới thiệu.
3. Lão Tử (1991): *Đạo đức kinh* (dịch và chú giải: Thu Giang Nguyễn Duy Cần), Nxb Văn học, 1991, tr. 108.
4. *Sđđ*, tr. 326.
5. *Sđđ*, tr. 106.
6. *Sđđ*, tr. 326 - 327.
7. *Sđđ*, tr. 318.
8. *Sđđ*, tr. 377.
9. *Sđđ*, tr. 363.
10. *Sđđ*, tr. 255.
11. *Sđđ*, tr. 276.
12. *Sđđ*, tr. 367.
13. *Sđđ*, tr. 82 - 83.
14. *Sđđ*, tr. 60 - 61.
15. *Sđđ*, tr. 122 - 123.
16. *Sđđ*, tr. 234 - 235.
17. *Sđđ*, tr. 332 - 333.
18. *Sđđ*, tr. 39 - 40.
19. Doãn Chính (chủ biên): *Đại cương Lịch sử triết học phương Đông cổ đại*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H, 1992, tr. 360.
20. Lão Tử (1991): *Đạo đức kinh* (dịch và chú giải: Thu Giang Nguyễn Duy Cần), Nxb Văn học, 1991, tr. 332 - 333.
21. *Sđđ*, tr. 386 - 387.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI HỘI XIII VỀ ĐỔI MỚI....

hình tăng trưởng nêu ra trong Đại hội XIII không những có cơ sở khoa học, sáng suốt, bắt kịp nhu cầu thời đại, mà còn hợp lòng dân. Vì thế quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng sau Đại hội chắc chắn nhận được xung lực mạnh mẽ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 104.
2. *Sđđ*, tr. 107.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 64 - 66.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG - ST, H, 2016, tr. 26.
5. *Sđđ*, tr. 87, 280.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 05-NQ/TW khóa XII ngày 01 - 11 - 2016 về một số chủ

Tiếp theo trang 9

trương chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức mạnh của nền kinh tế.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, H, 2021, t. 1, tr. 101 - 102.
8. *Sđđ*, t. 2, tr. 82 - 83.
9. *Sđđ*, tr. 85 - 86.
10. *Sđđ*, t.1, tr. 120.
11. *Sđđ*, tr. 208.
12. *Sđđ*, tr. 110 - 111.
13. *Sđđ*, tr. 215.
14. *Sđđ*, tr. 121.
15. *Sđđ*, tr. 240.
16. Bài viết *Chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới* của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng.